

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 49
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 35 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 35 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Hồ Việt Cường	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Bà Lê Thị Hồng Loan	Thành viên HĐQT độc lập	
Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2025
Ông Ngô Quang Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Hân	Trưởng ban
Bà Phạm Thanh Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Tươi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Dung	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Số: 30.06.2.1/25/BCTC/NVA.VP

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương Mại & Khai Thác Khoáng Sản Dương Hiếu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Mại & Khai Thác Khoáng Sản Dương Hiếu, được lập ngày 14/08/2025, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 26/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 14/08/2024 có kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Tổng Giám đốc



Lê Hồng Đào

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		659.469.466.670	750.726.012.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.261.161.621	26.806.713.352
1. Tiền	111		31.261.161.621	25.206.713.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	170.605.400.220	152.670.029.123
1. Chứng khoán kinh doanh	121		76.069.139.340	53.509.565.203
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.526.292.040)	(902.089.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.062.552.920	100.062.552.920
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		361.400.130.830	547.115.518.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	83.974.349.800	368.166.196.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	152.229.704.409	59.308.688.154
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	139.350.159.837	133.794.717.418
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.154.083.216)	(14.154.083.216)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		89.116.868.615	23.141.987.837
1. Hàng tồn kho	141	V.7	89.116.868.615	23.141.987.837
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.085.905.384	991.763.335
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	284.510.061	142.638.392
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.800.253.378	847.982.998
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.17	1.141.945	1.141.945
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.729.326.674	229.262.460.006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.000.000	24.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	24.000.000	24.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		76.496.986.555	77.297.384.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.258.325.448	5.302.782.283
- Nguyên giá	222		20.786.657.307	20.235.007.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.528.331.859)	(14.932.224.865)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	71.238.661.107	71.994.602.573
- Nguyên giá	228		89.996.584.720	89.996.584.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.757.923.613)	(18.001.982.147)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	30.480.685.511	30.001.176.051
- Nguyên giá	231		32.182.154.072	31.388.919.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.701.468.561)	(1.387.743.219)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		121.742.523.561	120.694.358.382
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		16.578.143.869	15.529.978.690
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	105.164.379.692	105.164.379.692
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	60.607.908	60.607.908
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		175.944.521	175.944.521
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(115.336.613)	(115.336.613)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		924.523.139	1.184.932.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	897.645.899	1.152.222.235
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	26.877.240	32.710.574
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		889.198.793.344	979.988.472.137

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		537.126.442.216	624.742.109.162
I. Nợ ngắn hạn	310		537.126.442.216	624.742.109.162
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	83.601.079.547	10.209.621.340
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.844.348.937	69.219.216.093
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	269.162.471	969.772.294
4. Phải trả người lao động	314		287.494.816	382.629.305
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	479.790.478	622.824.426
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	449.425.439.194	542.118.918.931
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.219.126.773	1.219.126.773
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.072.351.128	355.246.362.975
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	352.072.351.128	355.246.362.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		345.356.990.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		345.356.990.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(143.500.000)	(143.500.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	31.017.818.426

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.858.861.128	10.410.244.549
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.032.872.975	7.635.243.601
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.174.011.847)	2.775.000.948
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		889.198.793.344	979.988.472.137

Người lập biểu



Lê Thị Mai Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Loan



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Dung

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	986.983.937.306	2.071.915.833.449
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		986.983.937.306	2.071.915.833.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	973.388.106.090	2.055.694.639.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.595.831.216	16.221.194.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.428.883.343	4.831.921.839
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.917.561.296	12.637.627.809
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.871.091.440</i>	<i>15.436.197.942</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	995.038.287	726.958.087
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.321.114.158	3.190.633.432
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.208.999.182)	4.497.896.591
11. Thu nhập khác	31	VI.7	62.690.001	1
12. Chi phí khác	32	VI.8	21.869.332	46.047.685
13. Lợi nhuận khác	40		40.820.669	(46.047.684)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.168.178.513)	4.451.848.907
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	1.036.029.437
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.833.334	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.174.011.847)	3.415.819.470
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(91,91)	98,91
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(91,91)	98,91

Người lập biểu



Lê Thị Mai Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Dung

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.168.178.513)	4.451.848.907
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.801.901.421	1.779.087.960
- Các khoản dự phòng	03		4.624.203.040	(1.216.240.199)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.604.747.155)	(2.690.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.054.481.006)	(2.141.921.839)
- Chi phí lãi vay	06		14.871.091.440	15.436.197.942
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.469.789.227	15.618.972.771
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		181.893.481.179	(29.374.006.599)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(67.023.045.957)	24.222.289.092
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.604.085.248	(121.309.816.977)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		112.704.667	(441.119.465)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(22.559.574.137)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.947.694.255)	(15.571.804.655)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(641.616.073)	(2.736.800.594)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		88.908.129.899	(129.592.286.427)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(746.000.000)	(1.805.787.038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(22.660.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.025.798.107	9.836.466
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		1.299.798.107	(24.455.950.572)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		706.357.530.076	747.771.041.349
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(799.051.009.813)	(591.324.043.014)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.693.479.737)	156.446.998.335
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.485.551.731)	2.398.761.336
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26.806.713.352	15.645.474.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.940.000.000	2.690.000.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	31.261.161.621	20.734.235.968

Người lập biểu



Lê Thị Mai Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Dung

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30/06/2003.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 35 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 35 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02/01/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Vật liệu chịu lửa, gạch chịu lửa, sơn, gỗ cây, gỗ chế biến, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh và các thiết bị, vật liệu xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng theo thực tế.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong kỳ: Không.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Hà Nội	Số 1, ngõ 30, phố Nghĩa Đô, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại TP. Hồ Chí Minh	Tầng 8, Tòa nhà Koastal Building, số 92F Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Quảng Nam (1)	Đội 10, thôn Quý Phước, Xã Thăng Bình, Thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại Đà Nẵng	Lô 1A14-6 và lô 02A14-6 Khu dân cư Bắc Tượng Đài, đường 2/9, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam

(1) Đơn vị đã đăng ký tạm dừng hoạt động từ ngày 31/12/2024 đến hết ngày 31/12/2025 theo Giấy xác nhận về việc chi nhánh đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 20975/24 ngày 29/12/2024 của Phòng Đăng ký Kinh doanh tỉnh Quảng Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. **Tổng số lao động tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2025:** 24 người (Số nhân viên đầu năm là 26 người)

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong kỳ công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán...) được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Công ty ghi nhận từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 20	5 – 20
Máy móc thiết bị	3 – 10	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5	3 – 5
Tài sản cố định khác	10 – 20	10 – 20
Phần mềm máy tính	05	05
Quyền sử dụng đất	25	25

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cơ sở hạ tầng	50	50

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIỆU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn,

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	791.518.593	3.309.432.422
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.029.643.028	5.397.280.930
Các khoản tương đương tiền	-	1.600.000.000
Vàng tiền tệ	23.440.000.000	16.500.000.000
Cộng	31.261.161.621	26.806.713.352

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chi tiết Chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:

	Cuối kỳ				Đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Cổ phiếu	10.804.553	76.069.139.340	70.542.847.300	(5.526.292.040)	8.776.170	53.509.565.203	52.607.476.203	(902.089.000)	
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TIS)	9.006.691	53.365.152.105	50.227.307.900	(3.137.844.205)	8.648.290	51.154.816.203	51.154.816.203	-	
Công ty Cổ phần B.C.H (BCA)	1.723.062	21.570.582.413	19.240.859.000	(2.329.723.413)	127.800	2.354.749.000	1.452.660.000	(902.089.000)	
Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên (STH)	54.800	1.048.077.022	995.880.400	(52.196.622)	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong (NTP)	20.000	85.327.800	78.800.000	(6.527.800)	-	-	-	-	
Cộng	10.804.553	76.069.139.340	70.542.847.300	(5.526.292.040)	8.776.170	53.509.565.203	52.607.476.203	(902.089.000)	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

Số dư đầu năm	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Trích lập dự phòng bổ sung	(902.089.000)	(3.462.303.665)
Hoàn nhập dự phòng	(4.624.203.040)	-
Số dư cuối kỳ	(5.526.292.040)	2.560.214.665
		(902.089.000)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam:

- Hợp đồng tiền gửi mở online tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 09/11/2022, số tiền 2.000.000.000 VND với thời hạn 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIỆU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tiền gửi mở online mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá ngày 20/03/2024, số tiền 2.660.000.000 VND với thời hạn 12 tháng. Tài sản này thế chấp cho hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá theo hợp đồng thế chấp tiền gửi số 1903/2024/HĐBD/NHCT224-DUONGHIEU ký ngày 20/03/2024.
- Hợp đồng tiền gửi mở online mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá ngày 13/11/2024, số tiền 2.660.000.000 VND với thời hạn 12 tháng. Tài sản này thế chấp cho hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá theo hợp đồng thế chấp tiền gửi số 1311/2024/HĐBD/NHCT224-DUONGHIEU ký ngày 14/11/2024.
- Hợp đồng tiền gửi số AZ-0-95-71245-26-963 mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên ngày 03/04/2024, số tiền 20.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng. Tài sản này đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cầm cố tài sản số 200265.090.491629.BD ngày 04/04/2024 để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 189250.24.090.491629.TD ký ngày 05/02/2024.
- Hợp đồng tiền gửi số 14295.24.090.491629.TG.DN mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên ngày 06/12/2024, số tiền 38.000.000.000 VND thời hạn 06 tháng. Tài sản này đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cầm cố tài sản số 265935.090.491629.BD ngày 09/12/2024 để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 189250.24.090.491629.TD ký ngày 05/02/2024
- Số tiết kiệm số AAE0141137 ngày 04/10/2024, số tiền 31.654.520.548 VND kỳ hạn 12 tháng đứng tên bà Nguyễn Thị Dung.
- Số tiết kiệm số CA20779652 ngày 06/12/2024, số tiền 3.088.032.372 VND kỳ hạn 12 tháng đứng tên bà Nguyễn Thị Dung.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	175.944.521	60.607.908	175.944.521	60.607.908
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	175.944.521	60.607.908	175.944.521	60.607.908
Cộng	175.944.521	60.607.908	175.944.521	60.607.908

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số dư đầu năm	Kỳ này	Kỳ trước
Trích lập dự phòng bổ sung	VND	VND
Số dư cuối kỳ	(115.336.613)	(115.336.613)



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	83.974.349.800	368.166.196.128
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	56.837.294	132.821.694.472
Công ty TNHH thương mại Dịch Sơn	10.186.743.131	10.186.743.131
Công ty TNHH Một Thành viên Quang Huy	3.374.079.600	3.374.079.600
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	12.775.698.616	12.775.698.616
Công ty Cổ phần B.C.H	14.787.256.210	203.857.591.092
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	3.145.160.289	1.021.998.056
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trọng Dương	1.501.126.330	1.501.126.330
Các khách hàng khác	38.147.448.330	2.627.264.831
Cộng	83.974.349.800	368.166.196.128

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	152.229.704.409	59.308.688.154
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	146.485.952.650	32.209.663.491
Ông Đỗ Quang Kiên	-	15.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Tươi	4.000.000.000	4.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.743.751.759	7.599.024.663
Cộng	152.229.704.409	59.308.688.154

5. Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	37.500.000.000	37.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Ký quỹ đảm bảo tài sản	10.000.000.000	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung - Ký quỹ đảm bảo tài sản	27.500.000.000	27.500.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	101.850.159.837	96.294.717.418
Tiền lãi cho vay, lãi trả chậm	3.309.432.364	1.280.749.465
Ký cược, ký quỹ	3.526.759.520	-
Công ty Cổ phần Khai thác Luyện Kim Bắc Việt (1)	95.000.000.000	95.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.967.953	13.967.953
Cộng	139.350.159.837	133.794.717.418

(1) Là khoản phải thu của Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt theo nghị quyết số 16/2024/NQ-HDQT ngày 23/12/2024 về việc: “Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất Bắc Trà My; Đăng ký tạm dừng hoạt động đối với chi nhánh Quảng Nam” và Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký tại văn phòng công chứng Trương Công Vũ, địa chỉ: Số 90 Trần Phú, Khối phố Mỹ Thạch Trung, Phường Hòa Thuận, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, ngày 25/12/2024. Theo đó, Công ty thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/03/2021 đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: tổ Mậu Cà, thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam do không thể thực hiện được thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Phải thu dài hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	24.000.000	24.000.000
Cộng	24.000.000	24.000.000

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết xem tại phụ lục 01. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Đầu năm	(14.154.083.216)	(10.321.373.631)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Cuối kỳ	(14.154.083.216)	(10.321.373.631)

7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	116.716.769	-	116.716.769	-
Công cụ, dụng cụ	199.035.500	-	199.035.500	-
Hàng hóa	88.801.116.346	-	22.826.235.568	-
Cộng	89.116.868.615	-	23.141.987.837	-

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	265.438.921	131.359.110
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.071.140	11.279.282
Cộng	284.510.061	142.638.392

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	83.800.416	95.530.780
Các chi phí trả trước dài hạn khác	813.845.483	1.056.691.455
Cộng	897.645.899	1.152.222.235

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.060.918.934	6.442.199.218	2.468.554.892	120.357.745	1.142.976.359	20.235.007.148
Mua trong kỳ	-	687.777.778	-	-	-	687.777.778
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(136.127.619)	-	-	(136.127.619)
Số dư cuối kỳ	10.060.918.934	7.129.976.996	2.332.427.273	120.357.745	1.142.976.359	20.786.657.307
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	311.201.691	735.175.218	1.794.763.983	120.357.745	56.750.000	3.018.248.637
Giá trị hao mòn						
Số dư đầu năm	7.373.990.872	4.265.215.509	2.468.554.892	120.357.745	704.105.847	14.932.224.865
Khấu hao trong kỳ	384.799.686	320.279.269	-	-	27.155.658	732.234.613
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(136.127.619)	-	-	(136.127.619)
Số dư cuối kỳ	7.758.790.558	4.585.494.778	2.332.427.273	120.357.745	731.261.505	15.528.331.859
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.686.928.062	2.176.983.709	-	-	438.870.512	5.302.782.283
Số dư cuối kỳ	2.302.128.376	2.544.482.218	-	-	411.714.854	5.258.325.448

Một số tài sản cố định có nguyên giá là 673.790.909 VND và đã khấu hao hết đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	89.783.584.720	213.000.000	89.996.584.720
Số dư cuối kỳ	89.783.584.720	213.000.000	89.996.584.720
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	17.928.482.153	73.499.994	18.001.982.147
Khấu hao trong kỳ	726.830.358	29.111.108	755.941.466
Số dư cuối kỳ	18.655.312.511	102.611.102	18.757.923.613
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.855.102.567	139.500.006	71.994.602.573
Số dư cuối kỳ	71.128.272.209	110.388.898	71.238.661.107

Trong đó, quyền sử dụng đất không thời hạn tại Khu công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 35.513.584.720 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

11. Bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số dư đầu năm	31.388.919.270	(1.387.743.219)	30.001.176.051
Mua mới trong kỳ	793.234.802	-	793.234.802
Khấu hao trong kỳ	-	(313.725.342)	(313.725.342)
Số dư cuối kỳ	32.182.154.072	(1.701.468.561)	30.480.685.511

Là giá trị công trình xây dựng tạm tính tại Lô đất số 1+2A14-6 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	105.164.379.692	-	-	105.164.379.692
Dự án CROWN VILLAS (*)	105.164.379.692	-	-	105.164.379.692
Cộng	105.164.379.692	-	-	105.164.379.692

(*) Là khoản mua các căn hộ theo các hợp đồng mua bán nhà ở riêng lẻ như sau:

Căn hộ	Số hợp đồng	Vị trí nhà ở	Giá trị hợp đồng
LK1-20	LK1-20/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 789, Tờ bản đồ số 13	6.511.938.000
LK1-19	LK1-19/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 788, Tờ bản đồ số 13	6.511.938.000
LK5-22	LK5-22/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 816, Tờ bản đồ số 13	6.511.938.000
LK7-08	LK7-08/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1114, Tờ bản đồ số 13	6.339.652.000
LK10-32	LK10-32/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1310, Tờ bản đồ số 13	7.561.480.000
LK10-36	LK10-36/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1314, Tờ bản đồ số 13	7.561.480.000
LK10-37	LK10-37/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1315, Tờ bản đồ số 13	7.561.480.000
LK10-38	LK10-38/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1316, Tờ bản đồ số 13	7.561.480.000
LK10-39	LK10-39/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1317, Tờ bản đồ số 13	7.561.480.000
LK11-05	LK11-05/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1356, Tờ bản đồ số 13	7.852.686.000
SH3-01	SH3-01/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1081, Tờ bản đồ số 13	14.342.317.648
SH3-20	SH3-20/2024/HĐMB/CROWN VILLAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1062, Tờ bản đồ số 13	8.852.127.675

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Căn hộ	Số hợp đồng	Vị trí nhà ở	Giá trị hợp đồng
SHV3-23	SHV3-23/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1174, Tờ bản đồ số 13	13.378.470.742
SHV3-24	SHV3-24/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1175, Tờ bản đồ số 13	13.378.470.742

Đến ngày 30/06/2025, Các căn hộ đang thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi do bán tài sản cố định giữa văn phòng và chi nhánh, Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số đầu năm	32.710.574	-
Tăng trong kỳ	-	-
Số phân bổ trong kỳ	(5.833.334)	-
Cuối kỳ	<u>26.877.240</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	449.425.439.194	449.425.439.194	542.118.918.931	542.118.918.931
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá (1)	62.838.749.166	62.838.749.166	64.169.518.320	64.169.518.320
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (2)	238.956.385.200	238.956.385.200	268.447.900.611	268.447.900.611
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	137.671.828.588	137.671.828.588	199.501.500.000	199.501.500.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (4)	9.958.476.240	9.958.476.240	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	449.425.439.194	449.425.439.194	542.118.918.931	542.118.918.931

- (1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 08/08/2024 với hạn mức vay là 65.000.000.000 VND, thời hạn cho từng khoản nợ tối đa không quá 04 tháng, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng kỳ ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay chi tiết theo các hợp đồng thế chấp sau:
- Hợp đồng thế chấp số 1509/2022/HĐBĐ/NHCT224-CL153209 ngày 20/09/2022, tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất theo GCN số CL 153209 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung và ông Phạm Chí Dũng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 9.145.000.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp số 2203/2023/HĐBĐ/NHCT224-M193784 ngày 20/04/2023, tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất theo GCN số M 193784 thuộc sở hữu của ông Văn Tiến Đức và bà Nguyễn Thị Hồng Loan. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 15.719.000.000 VND
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 0612/2022/HĐBĐ/NHCT224-CA20779652 ngày 07/12/2022. Tài sản cầm cố là Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 20779652 phát hành ngày 06/12/2022, số tiền 2.700.000.000 VND. kỳ hạn 12 tháng thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung.
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 0108/2022/HĐBĐ/NHCT224-CA20771074 ngày 02/08/2022. Tài sản cầm cố là Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA20771074 phát hành ngày 29/07/2022 số tiền 2.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung.
 - Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017, tài sản thế chấp là Xe ô tô con Toyota Fortuner, biển số 92C-014.60, GCN đăng ký xe số 004160 do CA tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/01/2013, số khung: RL4ZR69G5C4015561, số máy: 2KDUI70271. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 0911/2022/HĐBĐ/NHCT224-DUONGHIEU ngày 10/11/2022. Tài sản cầm cố là tiền gửi có kỳ hạn kênh eFAST tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Lưu Xá số tiền 2.000.000.000 VND, ngày gửi 9/11/2022, kỳ hạn 12 tháng thuộc sở hữu của Công ty.
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 1409/2023/HĐBĐ/NHCT224-CA20793677 ngày 14/09/2023. Tài sản cầm cố là Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA20793677 phát hành ngày 14/09/2023 số tiền 7.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp tiền gửi số 1903/2024/HĐBĐ/NHCT224-DUONGHIEU ngày 20/03/2024. Tài sản cầm cố là Tài sản cầm cố là tiền gửi có kỳ hạn kênh eFAST tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Lưu Xá số tiền 2.660.000.000 VND, ngày gửi 20/03/2024, kỳ hạn 12 tháng thuộc sở hữu của Công ty.
- Hợp đồng thế chấp tiền gửi số 1311/2024/HĐBĐ/NHCT224-DUONGHIEU ngày 14/11/2024. Tài sản cầm cố là Tài sản cầm cố là tiền gửi có kỳ hạn kênh eFAST tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Lưu Xá số tiền 2.660.000.000 VND, ngày gửi 13/11/2024, kỳ hạn 12 tháng thuộc sở hữu của Công ty.
- (2) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/469052/HĐTD ký ngày 02/04/2025; Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa: 300.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời gian cho vay và lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm của khoản vay gồm:
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 11/2023/469052/HĐBĐ ngày 31/08/2023. Tài sản thế chấp là thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAD 1910475 phát hành ngày 21/08/2023 với số tiền 5.000.000.000 VND với có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng BIDV Thái Nguyên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung.
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 23/2023/469052/HĐBĐ ngày 06/10/2023. Tài sản thế chấp là thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAE 0141137 phát hành ngày 04/10/2023 với số tiền 30.000.000.000 VND với có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng BIDV Thái Nguyên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung.
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045330 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09389 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.401.000.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045347 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09406 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.770.720.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 06/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045172 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09231 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 4.705.000.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 08/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045222 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09281 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 4.225.000.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 09/2023/469052/HĐBĐ ngày 31/08/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 751795 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 05/05/2020, số vào sổ cấp GCN: CT11193 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 8.820.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10/2023/469052/HĐBĐ ngày 31/08/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 751796 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 05/05/2020, số vào sổ cấp GCN: CT11194 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 8.820.000.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 13/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023. Tài sản thế chấp là 6.945.554 cổ phiếu DHM mệnh giá 10.000 VND, giá thị trường là 7.700 VND có tổng giá trị là 53.480.765.800 VND lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Số cổ phiếu này thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Dung.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 14/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023. Tài sản thế chấp là 2.560.360 cổ phiếu DHM mệnh giá 10.000 VND, giá thị trường là 7.700 VND có tổng giá trị là 19.714.772.000 VND lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Số cổ phiếu này thuộc sở hữu của ông Trịnh Gia Tùng.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 15/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023. Tài sản thế chấp là 1.650.110 cổ phiếu DHM mệnh giá 10.000 VND, giá thị trường là 7.700 VND có tổng giá trị là 12.705.847.000 VND lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Số cổ phiếu này thuộc sở hữu của ông Đỗ Quang Kiên.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 16/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023. Tài sản thế chấp là 1.724.129 cổ phiếu DHM mệnh giá 10.000 VND, giá thị trường là 7.700 VND có tổng giá trị là 13.275.793.300 VND lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Số cổ phiếu này thuộc sở hữu của ông Lê Thanh Tuấn.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 18/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023. Tài sản thế chấp là 1.742.070 cổ phiếu DHM mệnh giá 10.000 VND, giá thị trường là 7.700 VND có tổng giá trị là 13.413.939.000 VND lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Số cổ phiếu này thuộc sở hữu của ông Trương Quang Thắng.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 19/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045334 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09393 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.401.000.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045335 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09394 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.401.000.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045336 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09395 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.401.000.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045337 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09396 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.401.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sang, Tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 24/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045382 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09441 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.751.680.625 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 25/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045108 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09168 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.655.680.625 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 26/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045109 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09169 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 5.655.680.625 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 27/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045442 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09501 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 13.733.554.375 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 28/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 045461 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/01/2019, số vào sổ cấp GCN: CT09520 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 7.443.988.125 VND.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 30/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 751777 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 05/05/2020, số vào sổ cấp GCN: CT11175 cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng xác định là 10.849.323.750 VND.

(3) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 281669.25.090.491628.TD ngày 25/02/2025, thời hạn duy trì hạn mức cho tới ngày 25/02/2026 với hạn mức 310.000.000.000 đồng; Mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thép, phôi thép, vật liệu chịu lửa, các loại than và thiết bị điện. Thời hạn mỗi khoản tín dụng không vượt quá 05 tháng. Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:

- Bất động sản tại Khu công viên Bắc Trượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431744, số vào sổ cấp GCN: CH01303 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011; Bất động sản tại Khu công viên Bắc Trượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu. Giá trị tài sản đảm bảo theo Báo cáo kết quả tư vấn thẩm định tài sản số 25.179.320.AMC.0.H ngày 24/03/2025 là 88.590.058.00 đồng.

- Thế chấp thẻ tiết kiệm số: CA 20779677 do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành ngày 12/12/2023 trị giá 2.500.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Dung theo hợp đồng cầm cố tài sản số 161310.23.090.491629.BD ký ngày 18/09/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tiền gửi số AZ-0-95-71245-26-963 mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên ngày 03/04/2024, số tiền 20.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng.
- Hợp đồng tiền gửi số 14295.24.090.491629.TG.DN mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên ngày 06/12/2024, số tiền 38.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng.

- (4) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số VN122010735/2022-HĐCVHM/BNVN301 ký ngày 29/8/2022; Phụ lục hợp đồng cho vay số 02/VN122010735/2022-HĐCVHM/BNVN301 ký ngày 29/08/2024 về việc duy trì hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ ngày 29/08/2024 đến ngày 29/08/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm của khoản vay gồm:
 - Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tiền gửi số VN00018958/2022-HĐTCTG/BNVN301-DH ngày 29/08/2022 và phụ lục hợp đồng thế chấp tiền gửi số 01/VN00018958/2022-HĐTCTG/BNVN301-DH ngày 29/08/2023. Tài sản thế chấp là phiếu tiền gửi có kỳ hạn số 301 11 00159 ngày 19/08/2023 tại ngân hàng Woori – Chi nhánh Thái Nguyên, kỳ hạn 12 tháng, số tiền 5.000.000.000 VND.
 - Bảo lãnh bởi bà Nguyễn Thị Dung theo Thư bảo lãnh với giá trị nghĩa vụ được bảo lãnh là 7.000.000.000 VND.
- Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

Vay ngắn hạn ngân hàng	Đơn vị tính: VND		
	Số tiền vay phát sinh trong kỳ		Số tiền vay đã trả
	Đầu năm	trong kỳ	Cuối kỳ
	542.118.918.931	706.357.530.076	(799.051.009.813)
Cộng	542.118.918.931	706.357.530.076	(799.051.009.813)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Số có khả năng		Đầu năm	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>83.601.079.547</i>	<i>83.601.079.547</i>	<i>10.209.621.340</i>	<i>10.209.621.340</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch Vụ Thương Mại BIG	2.589.654.440	2.589.654.440	2.828.088.280	2.828.088.280
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Thái	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dê vàng	948.194.123	948.194.123	1.998.368.000	1.998.368.000
Itochu Singapore Pte Ltd	64.398.387.208	64.398.387.208	-	-
Công ty Cổ phần Hợp Kim và Xây Lắp Minh Long	-	-	1.112.832.600	1.112.832.600
Công ty Cổ phần B.C.H	8.398.002.837	8.398.002.837	-	-
Các nhà cung cấp khác	7.266.840.939	7.266.840.939	2.270.332.460	2.270.332.460
Cộng	83.601.079.547	83.601.079.547	10.209.621.340	10.209.621.340

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.844.348.937</i>	<i>69.219.216.093</i>
Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang	-	67.238.672.060
Các khách hàng khác	1.844.348.937	1.980.544.033
Cộng	1.844.348.937	69.219.216.093

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
 Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	41.345.372	-	649.387.405	(611.416.644)	79.316.133	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.141.945	6.666.809.348	(6.666.809.348)	-	1.141.945
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	14.644.169	(14.644.169)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	643.926.010	-	-	(641.616.073)	2.309.937	-
Thuế thu nhập cá nhân	284.500.912	-	22.089.112	(119.053.623)	187.536.401	-
Tiền thuế đất	-	-	5.600.000	(5.600.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	969.772.294	1.141.945	7.362.530.034	(8.063.139.857)	269.162.471	1.141.945

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11/04/2024 H.T.T. /34/

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	66.431.133
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	-	66.431.133
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	479.790.478	556.393.293
Chi phí lãi vay phải trả	479.790.478	556.393.293
Cộng	479.790.478	622.824.426

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	1.219.126.773	-	-	1.219.126.773
Cộng	1.219.126.773	-	-	1.219.126.773



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
Số đầu năm trước	313.961.800.000	(143.500.000)	31.017.818.426	7.635.243.601	Tổng cộng	352.471.362.027
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	3.415.819.470		3.415.819.470
Số dư cuối kỳ trước	313.961.800.000	(143.500.000)	31.017.818.426	11.051.063.071		355.887.181.497
Số dư đầu năm nay	313.961.800.000	(143.500.000)	31.017.818.426	10.410.244.549		355.246.362.975
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	31.395.190.000	-	(31.017.818.426)	(377.371.574)		-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(3.174.011.847)		(3.174.011.847)
Số dư cuối kỳ này	345.356.990.000	(143.500.000)	-	6.858.861.128		352.072.351.128

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND	Tỷ lệ
Ông Trịnh Gia Tùng	25.603.600.000	7,41%	23.276.000.000	7,41%
Ông Trương Quang Thắng	17.420.700.000	5,04%	15.837.000.000	5,04%
Bà Nguyễn Thị Dung	69.455.540.000	20,11%	63.141.400.000	20,11%
Các cổ đông khác	232.877.150.000	67,44%	211.707.400.000	67,44%
Cộng	345.356.990.000	100%	313.961.800.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.535.699	31.396.180
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	34.535.699	31.396.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.535.699	31.396.180
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.535.699	31.396.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.535.699	31.396.180
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a. Vàng tiền tệ**

Công ty nắm giữ vàng tiền tệ với số lượng tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 200 lượng, tương đương 23.840.000.000 VND (số lượng đầu năm là 200 lượng).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	984.527.265.588	2.069.899.037.085
Doanh thu cho thuê tài sản	2.456.671.718	2.016.796.364
Cộng	986.983.937.306	2.071.915.833.449

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	973.062.080.748	2.053.175.993.556
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	326.025.342	313.725.342
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.204.920.471
Cộng	973.388.106.090	2.055.694.639.369

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	4.054.481.006	2.141.921.839
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	426.039.701	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.362.636	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại vàng tiền tệ	6.940.000.000	2.690.000.000
Cộng	11.428.883.343	4.831.921.839

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	14.871.091.440	15.436.197.942
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.046.759.919	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	622.590.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.335.252.845	
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.624.203.040	(3.421.160.670)
Chi phí tài chính khác	40.254.052	-
Cộng	21.917.561.296	12.637.627.809

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cho nhân viên	496.305.385	281.634.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.732.902	414.893.704
Các chi phí khác	-	30.430.383
Cộng	995.038.287	726.958.087

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cho nhân viên	1.298.136.505	938.878.896
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.405.737	541.675.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	761.345.721	738.532.260
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	10.774.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.207.773	265.180.722
Các chi phí khác	2.338.018.422	695.591.639
Cộng	5.321.114.158	3.190.633.432

7. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	18.181.818	-
Tiền thưởng hợp đồng do vượt tiến độ	44.508.183	-
Thu nhập khác	-	1
Cộng	62.690.001	1

8. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt chậm nộp thuế, BHXH	10.948.230	46.047.685
Chi phí khác	10.921.102	-
Cộng	21.869.332	46.047.685

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.168.178.513)	4.451.848.907
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	674.953.258	728.298.277
- Các khoản điều chỉnh tăng	704.119.924	728.298.277
+ <i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế, BHXH</i>	<i>10.948.230</i>	<i>46.047.685</i>
+ <i>Chi phí loại trừ khi tính thuế khác</i>	<i>693.171.694</i>	<i>682.250.592</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(29.166.666)	-
+ <i>Chi phí Khấu hao TSCĐ giao dịch nội bộ</i>	<i>(29.166.666)</i>	-
Thu nhập chịu thuế	(2.493.225.255)	5.180.147.184
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(2.493.225.255)	5.180.147.184
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	1.036.029.437

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(3.174.011.847)	3.415.819.470
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(3.174.011.847)	3.415.819.470
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.535.699	34.535.699
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	(91,91)	98,91
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	(91,91)	98,91

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này.

(*) **Ghi chú**: Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được điều chỉnh lại chi tiêu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân do Công ty phát hành 3.139.519 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 20/04/2024 và Báo cáo kết quả phát hành số 612/2024/BC-DH ngày 06/12/2024 (Xem thuyết minh VII.5)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	365.794.373	541.675.015
Chi phí nhân công	1.953.152.533	1.220.512.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.801.901.421	1.779.087.960
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	10.774.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.223.920.661	680.074.426
Chi phí khác	2.341.573.978	726.022.022
Cộng	7.690.342.966	4.958.147.219

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Chi tiết giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Dung - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
Thu lại tiền trả trước mua đất	-	23.000.000.000
Ủy quyền mở sổ tiết kiệm	-	20.000.000.000
Thu hoàn sổ tiết kiệm	1.600.000.000	-
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ Tiền lương, thưởng	204.600.000	222.972.553
Bà Nguyễn Thị Dung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	72.000.000	46.447.576
Bà Đỗ Thị Hằng – Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)	-	-
Ông Trần Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc	-	93.600.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan – Kế toán trưởng	132.600.000	82.924.977

Cam kết bảo lãnh

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Dung, Bà Nguyễn Thị Hồng Loan còn dùng quyền sử dụng đất và thẻ tiết kiệm thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá, Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên. Cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất:

Số thửa đất	Diện tích	Địa chỉ	Thuộc sở hữu	Giá trị TSDB
Số 620, tờ bản đồ số 19	232m ²	Phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Dung và ông Phạm Chí Dũng	9.145.000.000
Số 403, tờ bản đồ số 13	1.268m ²	Phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan và ông Văn Tiến Đức	15.719.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****+ Thẻ tiết kiệm**

Thẻ tiết kiệm	Ngày phát hành	Đơn vị phát hành	Thuộc sở hữu	Giá trị
CA 20779652	06/12/2022	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá	Bà Nguyễn Thị Dung	2.700.000.000
CA 20771074	29/07/2022	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá	Bà Nguyễn Thị Dung	2.000.000.000
CA 20793677	14/09/2023	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá	Bà Nguyễn Thị Dung	7.000.000.000
AAD 1910475	21/08/2023	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Dung	5.000.000.000
AAE 0141137	04/10/2023	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Dung	30.000.000.000
CA 20779677	12/12/2023	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá	Bà Nguyễn Thị Dung	2.500.000.000
301 11 00159	19/08/2023	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Dung	5.000.000.000

+ Thư bảo lãnh của bà Nguyễn Thị Dung cho các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên trị giá 7.000.000.000 VND.

+ Thẻ chấp cổ phiếu niêm yết.

+ Bà Nguyễn Thị Dung thẻ chấp 6.945.554 cổ phiếu DHM mệnh giá 10.000 VND.

b. Bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với bên liên quan khác.

2. Tài sản đảm bảo

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Giá trị hợp lý của các tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác như sau:

	Giá trị tài sản thế chấp
Các quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng (Chi tiết tại thuyết minh số V. 14)	108.435.628.125
2.560.360 cổ phiếu DHM thuộc sở hữu của Ông Trịnh Gia Tùng	19.714.772.000
1.650.110 cổ phiếu DHM thuộc sở hữu của Ông Đỗ Quang Kiên	12.705.847.000
1.724.129 cổ phiếu DHM thuộc sở hữu của Ông Lê Thanh Tuấn	13.275.793.300
1.742.070 cổ phiếu DHM thuộc sở hữu của Ông Trương Quang Thắng	13.413.939.000
Cộng	167.545.979.425

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ;
- Lĩnh vực cho thuê bất động sản đầu tư;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Kỳ này	Lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ	Lĩnh vực cho thuê bất động sản	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	984.527.265.588	2.456.671.718	986.983.937.306
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	984.527.265.588	2.456.671.718	986.983.937.306
Giá vốn bộ phận	(973.062.080.748)	(326.025.342)	(973.388.106.090)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.465.184.840	2.130.646.376	13.595.831.216
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.316.152.445)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.279.678.771
Doanh thu hoạt động tài chính			11.428.883.343
Chi phí tài chính			(21.917.561.296)
Thu nhập khác			62.690.001
Chi phí khác			(21.869.332)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.833.334)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(3.174.011.847)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	713.432.324	793.234.802	1.506.667.126
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.768.406.961	313.725.342	2.082.132.303

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ	Lĩnh vực cho thuê bất động sản	Cộng
Cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	387.663.826.163	152.223.209.072	539.887.035.235
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			349.311.758.109
Tổng tài sản			889.198.793.344
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	84.441.108.484	1.004.320.000	85.445.428.484
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			451.681.013.732
Tổng nợ phải trả			537.126.442.216
Đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	529.180.744.299	30.110.584.201	559.291.328.500
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			420.697.143.637
Tổng tài sản			979.988.472.137
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	78.419.657.433	1.009.180.000	79.428.837.433
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			545.313.271.729
Tổng nợ phải trả			624.742.109.162

b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong Hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản).

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo Hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Cuối kỳ				
Vay và nợ	449.425.439.194	-	-	449.425.439.194
Phải trả người bán	83.601.079.547	-	-	83.601.079.547
Các khoản phải trả khác	767.285.294	-	-	767.285.294
Cộng	533.793.804.035	-	-	533.793.804.035
Đầu năm				
Vay và nợ	542.118.918.931	-	-	542.118.918.931
Phải trả người bán	10.209.621.340	-	-	10.209.621.340
Các khoản phải trả khác	1.005.453.731	-	-	1.005.453.731
Cộng	553.333.994.002	-	-	553.333.994.002

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

d. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

e. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****f. Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu này đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2024	31/12/2024	Chênh lệch
		Trước phân loại	Phân loại lại	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	766.255.990.821	750.726.012.131	(15.529.978.690)
IV. Hàng tồn kho	140	38.671.966.527	23.141.987.837	(15.529.978.690)
Hàng tồn kho	141	38.671.966.527	23.141.987.837	(15.529.978.690)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	213.732.481.316	229.262.460.006	15.529.978.690
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	105.164.379.692	120.694.358.382	15.529.978.690
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	15.529.978.690	15.529.978.690

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được điều chỉnh lại chỉ tiêu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân do Công ty phát hành 3.139.519 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 20/04/2024 và Báo cáo kết quả phát hành số 612/2024/BC-DH ngày 06/12/2024. Cụ thể như sau:

Nội dung	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Chênh lệch
	Đã báo cáo	Trình bày lại	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	31.396.180	34.535.699	3.139.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	108,80	98,91	(9,89)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	108,80	98,91	(9,89)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Mai Anh

Nguyễn Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Dung

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<u>23.097.072.247</u>	-	<u>23.097.072.247</u>
Công ty Cổ phần Việt Nhật Sản xuất và Thương Mại	Quá hạn trên 3 năm	75.468.100	Quá hạn trên 3 năm	75.468.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn	Quá hạn trên 3 năm	10.186.743.131	Quá hạn trên 3 năm	10.186.743.131
Công ty TNHH Thiên Bình An	Quá hạn trên 3 năm	59.162.400	Quá hạn trên 3 năm	59.162.400
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (1)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	12.775.698.616	Quá hạn trên 6 tháng	12.775.698.616
Cộng		<u>23.097.072.247</u>		<u>23.097.072.247</u>
				<u>(14.154.083.216)</u>

(1) Khoản công nợ này đã được thu hồi toàn bộ vào ngày 07/08/2025.